



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thông tin chung**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán**  
**Chứng chỉ quỹ ra công chúng số**

02/GCN-UBCK

ngày 10 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra Công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập**  
**Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở số**

11/GCN-UBCK  
03/GCN-UBCK

ngày 15 tháng 5 năm 2014  
ngày 2 tháng 4 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

**Ban Đại Diện Quỹ**

Ông Trần Phát Minh                      Chủ tịch  
Ông Cung Trần Việt                      Thành viên  
Ông Huỳnh Richard Lê Minh          Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý  
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
– Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
(từ ngày 12 tháng 4 năm 2019)  
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered  
(Việt Nam) (đến ngày 11 tháng 4 năm 2019)

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 2303, Tòa nhà Lim Tower  
Số 9-11 Tôn Đức Thắng  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Cung Trần Việt, Thành viên Ban Đại diện Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Cung Trần Việt  
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2020

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt** **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

### **I. Thông tin chung về Quỹ**

#### **1. Mục tiêu của Quỹ:**

Quỹ đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ VCAMBF” hoặc “Quỹ”) hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VCAMBF tuân thủ theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

#### **2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Quỹ tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 1,02% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### **3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

#### **4. Phân loại Quỹ:**

Quỹ VCAMBF là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

#### **5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ là ngày 15 tháng 5 năm 2014.

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 75.406.769.302 VND.
- Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 6.327.132,85 Chứng chỉ quỹ.

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ (tại thời điểm báo cáo):**

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 2.500 VND/Chứng chỉ quỹ.

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản Quỹ:**

Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2019 (%)	31/12/2018 (%)	31/12/2017 (%)
1. Danh mục chứng khoán	62,74	65,32	67,04
2. Tài sản khác	37,26	34,68	32,96
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	75.406.769.302	74.642.489.329	74.816.350.778
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	6.327.132,85	6.351.545,52	5.961.553,96
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	11.918,00	11.751,86	12.549,81
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	12.502,11	12.714,52	13.403,81
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	11.489,70	10.339,97	11.482,60
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	1,41%	(6,36%)	9,70%
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi đo biến động giá)	92,62%	126,85%	2,92%
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(91,20%)	(133,21%)	6,78%
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	500	Không có	1.000
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	497	Không có	884
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	22/11/2019	Không có	21/12/2017
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,07%	2,18%	2,23%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,87	1,68	1,58

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

<b>Giai đoạn</b>	<b>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)</b>	<b>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)</b>
- 1 năm	1,41%	1,41%
- 3 năm	4,18%	34,70%
- Từ khi thành lập	19,18%	75,27%

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

<b>Thời kỳ</b>	<b>31/12/2019 (%)</b>	<b>31/12/2018 (%)</b>	<b>31/12/2017 (%)</b>
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	1,41%	(6,36%)	9,70%

**III. Mô tả thị trường trong năm:**

**Tăng trưởng GDP năm 2019 vượt kế hoạch đề ra**

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2019 ở mức 7,02%, vượt chỉ tiêu 6,8% đã đề ra. Mặc dù tỷ lệ tăng trưởng này thấp hơn cả năm 2018 nhưng vẫn cao hơn mức tăng của giai đoạn 2011-2017.

Trong cơ cấu GDP 2019, ngành công nghiệp đặc biệt là ngành chế biến chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt nền kinh tế tăng trưởng với mức tăng 11,29%. Tiếp đến là khu vực dịch vụ với mức tăng cao nhất 9,12% thuộc ngành vận tải, kho bãi và thứ hai là ngành bán buôn, bán lẻ đóng góp mức tăng 8,82%.

**Lạm phát tiếp tục diễn biến thuận lợi**

CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với cuối năm 2018, dưới mức mục tiêu đề ra và cũng là mức tăng bình quân thấp nhất trong vòng 3 năm qua.

Các yếu tố góp phần kiềm chế CPI trong năm qua cần kể đến xu hướng giảm của giá dầu thế giới (giá dầu Brent giảm 10,28% so với cuối năm 2018) dẫn đến giá xăng dầu giảm 3,13%, giá gas giảm 5,98%.

**Thu hút vốn FDI đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm qua**

Tổng vốn FDI đăng ký, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt mức cao nhất với 38 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2018, trong khi mức tăng của năm 2018 so với cùng kỳ 2017 giảm 1,2%. Tuy nhiên, điểm khác biệt so với 2018 là sự thiếu vắng các dự án có quy mô lớn đăng ký đầu tư mới.

Trong bối cảnh dòng vốn FDI suy giảm chung trên phạm vi quốc tế, vốn FDI thực hiện vẫn tăng trưởng 6,8% so với cùng kỳ 2018, tương đương 20,4 tỷ USD được các nhà đầu tư nước ngoài giải ngân tại Việt Nam.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt** **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tiêu điểm của FDI vẫn tập trung ở công nghiệp chế biến chế tạo với 64,6%, tăng mạnh so với 46,7% của năm 2018.

### **Xuất nhập khẩu chính thức vượt mốc 500 tỷ USD, cán cân thương mại thặng dư năm thứ 4 liên tiếp với mức cao nhất**

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu đạt 253,51 tỷ USD, tăng 7,0% so với cùng kỳ năm 2018. Tính chung cả năm 2019, cán cân thương mại xuất siêu 9,94 tỷ USD.

Năm 2019 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ của khu vực xuất khẩu trong nước với tốc độ tăng 17,7% (năm 2018 tăng 15,9%) trong khi khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt tốc độ tăng 4,2% (năm 2018 tăng 12,9%).

### **Tín dụng năm 2019 tăng trưởng phù hợp với nợ xấu được kiểm soát**

Tăng trưởng tín dụng đến cuối năm 2019 đạt mức 13,5%, sát mục tiêu 14% đã đề ra và cũng là mức thấp nhất ghi nhận kể từ năm 2014. Đồng thời, đây là năm thứ 2 liên tiếp ghi nhận GDP tiếp tục tăng trưởng ổn định trên mức 7%, bình quân 2014-2017 đạt 6,42%; trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng thu hẹp lại, thấp hơn mặt bằng chung giai đoạn 2014-2017 đạt trung bình 17,08%.

Cơ cấu tín dụng tiếp tục có sự điều chỉnh tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Cụ thể, tín dụng dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng 16%, tín dụng đối với doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 15%.

Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các ngân hàng đến cuối năm 2019 nhích tăng nhẹ 0,09% lên 1,98% so với mức 1,89% cuối năm 2018. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn được kiểm soát dưới 2% như mục tiêu đã đề ra. Nếu tính cả các khoản nợ xấu đã bán cho VAMC, tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống là 4,84%, tiếp tục giảm so với năm 2017 (7,36%) và năm 2018 (5,85%).

### **Đồng Việt Nam – diễn biến ngược chiều**

Yếu tố chi phối nhiều nhất đến thị trường toàn cầu là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Trong khi hầu hết các đồng tiền khác đều biến động khá mạnh so với USD, tỷ giá USD/VND chỉ có một đợt sóng duy nhất vào tháng 5 năm 2019 khi quan hệ Mỹ - Trung trở nên căng thẳng và sau đó đi ngang. Khác với xu hướng chung khi bước vào giai đoạn cao điểm, tỷ giá tháng cuối cùng của năm diễn biến khá “bình lặng”, và khép lại năm 2019 VND tăng giá 0,16% so với USD.

Các yếu tố chi phối giữ ổn định và linh hoạt tỷ giá USD/VND:

- NHNN tăng mạnh tỷ giá mua ngay từ đầu năm và giữ nguyên trong 11 tháng, gia tăng dự trữ ngoại hối;
- Dòng vốn FDI tiếp tục dồi dào;
- Cán cân thương mại duy trì trạng thái thặng dư;
- Động thái nới lỏng tiền tệ của nhiều quốc gia.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**VNIndex đóng cửa tại 960,99 điểm, tăng 7,67% so với cuối năm 2018**

VNIndex đã có đà tăng khá tích cực trong quý 1 năm 2019 sau giai đoạn “âm ảm” nửa cuối năm 2018 với sự xuất hiện trở lại của dòng tiền lớn. Mốc 1.000 điểm chính thức được vượt qua vào ngày 12 tháng 03 năm 2019 nhưng không thể giữ vững trước áp lực chốt lời mạnh tại ngưỡng kháng cự này. Các áp lực từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung được đẩy lên cao trào trong quý 2, biến động của khu vực EU trước thềm Brexit và động thái bán tháo của các thị trường cận biên và mới nổi, ... khiến VNIndex dao động tích lũy trong biên độ hẹp [950-1000]. Vì vậy, quanh mốc 950 cũng có thể xem là vùng đáy ngắn hạn tạm thời của VNIndex. Tháng 11 năm 2019, thị trường lấy lại mốc 1.000 điểm lần thứ 2 trong năm sau tin hỗ trợ từ việc mua lại cổ phiếu quỹ của VHM và VRE, cộng với sự xúc tác từ nhóm cổ phiếu ngân hàng. Diễn biến này của VNIndex cũng tương quan với dòng vốn ngoại duy trì trạng thái mua ròng hơn 7.700 tỷ trong suốt 5 tháng đầu năm, trái ngược hoàn toàn với trạng thái bán ròng gần 6.000 tỷ trong 5 tháng cuối năm.

Dấu ấn của thị trường năm 2019 có thể kể đến sự ra đời của sản phẩm chứng quyền có bảo đảm (Covered Warrant) vào ngày 28 tháng 06, đánh dấu sản phẩm phái sinh thứ hai sau hợp đồng tương lai; cùng với việc HOSE ra mắt bộ chỉ số mới VN Diamond Index và VNFin Select Index làm tiền đề cho các quỹ ETF.

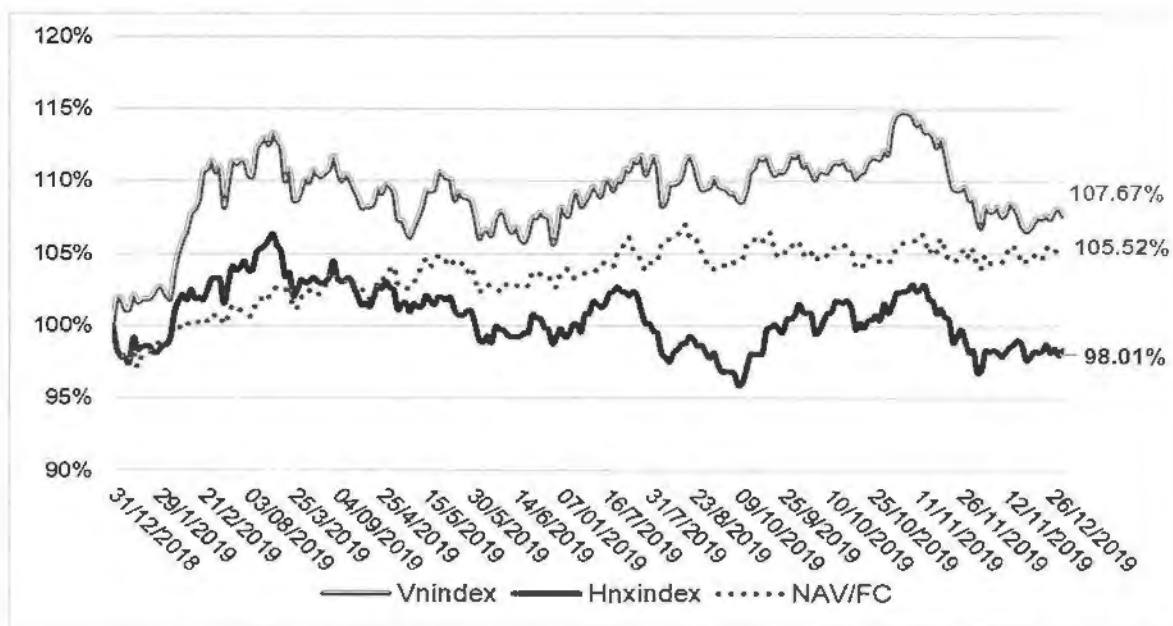
**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:**

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(91,20%)	(103,12%)	(104,84%)
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	92,62%	107,30%	124,02%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	1,41%	4,18%	19,18%
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	1,41%	34,70%	75,27%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong năm 2019:



Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND	Tỷ lệ thay đổi %
A	1	2	$3 = \frac{(1)-(2)}{(2)}$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	75.406.769.302	74.642.489.329	1,02%
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ	11.918,00	11.751,86	1,41%

Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ tăng mạnh hơn giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**4.2. Thông kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại 31/12/2019:**

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	97	81.071,29	1,28%
Từ 5.000 đến 10.000	11	102.787,07	1,62%
Từ 10.000 đến 50.000	2	66.547,14	1,05%
Từ 50.000 đến 500.000	2	445.676,39	7,04%
Trên 500.000	1	5.631.050,96	89,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>113</b>	<b>6.327.132,85</b>	<b>100%</b>

**5. Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm và chính sách giảm giá.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường**

Với tình hình Quốc tế đã giảm bớt căng thẳng khi hai nền kinh tế đứng đầu Thế giới đã đạt những thỏa thuận đầu tiên (giai đoạn 01 được ký kết trong ngày 15 tháng 1 vừa qua), thỏa thuận giai đoạn 02 vẫn đang trong quá trình đàm phán. Điểm này tiếp tục gây bất ổn khi hành động tiếp theo của hai chính quyền đều khó dự báo, kiểm chế dòng vốn đầu tư. Bên cạnh đó, bất ổn xã hội từ thiên tai diễn ra tại một số nước như Australia, Đông Phi, Miền Nam Châu Phi,... và sự bùng phát dịch Covid-19 được dự đoán sẽ còn tiếp tục kéo dài, đã khiến cho chuỗi cung ứng toàn cầu gián đoạn, nền kinh tế Trung Quốc nói riêng và toàn Thế giới nói chung thiệt hại nặng nề. Đứng trước các tác động trên, triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ chậm lại và yếu dần trong năm 2020.

Triển vọng sức khỏe nền kinh tế Việt Nam năm 2020 cũng được dự báo sẽ có mức tăng trưởng giảm so với giai đoạn 2017-2019, đặc biệt đối với nhóm ngành du lịch, dịch vụ; nông sản; hàng không; vận tải sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ dịch cúm Covid-19 khi tình hình dịch bệnh chưa có dấu hiệu suy giảm.

Giai đoạn nửa đầu năm 2020, chỉ số giao dịch dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn trước bối cảnh, tình hình chung trên toàn cầu. Điểm sáng của thị trường vốn Việt Nam phần lớn trong quý 1 đóng góp từ nhóm ngành ngân hàng khi thông tin kết quả kinh doanh trong năm 2019 của nhóm ngành này có sự tăng trưởng đột biến. Bên cạnh đó, tính hiệu lực của bộ chỉ số VN Diamond, VNFIN Lead và VNFIN Select là thông tin được chờ đợi và sẽ hỗ trợ thị trường trong bối cảnh chuỗi bán ròng kéo dài của khối ngoại cuối năm 2019. Dòng tiền được dự kiến sẽ tập trung ở các nhóm ngành phòng thủ trong bối cảnh hiện tại.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**VI. Thông tin khác**

**1. Nhân sự điều hành Quỹ**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Nguyễn Minh Tùng	Giám đốc Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt	<p>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Université Libre de Bruxelles (Vương quốc Bỉ)</p> <p>Cử nhân Thương mại Quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội)</p>	<p>Ông Tùng có 25 năm kinh nghiệm liên tục trong ngành ngân hàng và đầu tư tài chính.</p> <p>Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“VCAM”), ông Tùng làm việc tại Eastspring Investments Fund Management Company (một công ty của Prudential PLC, Anh Quốc). Tại đây, ông giữ chức vụ Giám đốc Phát triển các sản phẩm quỹ và là thành viên Hội đồng Đầu tư của Quỹ Eastspring Navigator Fund. Ông Tùng còn là Giám đốc Điều hành kiêm Tổng điều hành Đầu tư của Công ty quản lý quỹ đầu tư Nhân Việt (Tigers Alliance Fund Management, thành viên của Centaurus Capital, London) đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2009 – 2012. Ông cũng từng đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt từ năm 2007 đến 2009.</p> <p>Từ năm 2004 đến 2007, ông là Giám đốc Đầu tư và Điều hành của Tập đoàn Phát triển Bất động sản Paragon Holding Corporation. Từ năm 1999 đến 2004, ông Tùng là Quản trị Đầu tư Cao cấp cho Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) thuộc Ngân hàng Thế giới.</p> <p>Trước đó, ông Tùng đã có 6 năm kinh nghiệm với vai trò Chuyên viên Cao cấp tài trợ doanh nghiệp của Ngân hàng FirstVina Bank (nay là ngân hàng Shinhanbank).</p>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Bà Trần Đỗ Quyên	Trưởng bộ phận kế toán Quỹ	Cử nhân ngành Ngân hàng và Tài chính tại trường Đại học Singapore Institute of Management	Gia nhập VCAM từ năm 2011, bà Đỗ Quyên có kinh nghiệm trong thị trường tài chính và quản trị quỹ đầu tư chứng khoán. Bà đã có kinh nghiệm quản trị các quỹ đầu tư thành viên và quỹ mở của VCAM, bao gồm các quỹ như VCF, VCHF và VCAMBF.

**2. Ban Đại diện Quỹ**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân ngành Tài chính Kế toán Doanh nghiệp tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ông Trần Phát Minh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã đảm nhận những chức vụ Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Chứng khoán Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Kiên Long.
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney  Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998.
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân Thương mại của Curtin University of Westen Australia  Thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (CPA Australia)	Ông Huỳnh Richard Lê Minh có kinh nghiệm lâu năm trong ngành kiểm toán và quản trị chuyên nghiệp. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc PriceWaterhouseCoopers Việt Nam. Hiện tại, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“VCSC”).

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**3. Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội)  Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính Đại học Quốc tế tại Geneva (International University in Geneva), Thụy Sĩ	Bà Nguyễn Thanh Phương là thành viên sáng lập của VCAM và VCSC. Bà hiện đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCAM và VCSC kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Với việc thay đổi nhận diện thương hiệu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt – Viet Capital Bank (tiền thân là Ngân hàng Gia Định), Bà Phương được bầu chọn vào Hội đồng Quản trị của ngân hàng này từ tháng 2 năm 2012. Trong vai trò thành viên Hội đồng Quản trị, Bà Phương chịu trách nhiệm về định hướng tầm nhìn, quản trị chiến lược, hỗ trợ Ban Điều hành với mục tiêu đưa Viet Capital Bank trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu trên thị trường.  Bà Phương từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim (Việt Nam), tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ, một trong những Nhà Đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trước khi sáng lập VCAM, Bà giữ vai trò Giám đốc đầu tư của Quỹ Vietnam Holding, một Quỹ đầu tư nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán Luân Đôn.

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney  Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998. Kể từ năm 2002, Ông là Giảng Viên môn Quản trị Tài chính và Định giá Doanh nghiệp tại khoa Kinh Tế, Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh. Là thành viên sáng lập của Công ty Tư vấn PSV, Ông đã có quá trình cộng tác chặt chẽ với hai công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Đại học Sydney University of Technology (Australia)  Hội viên cao cấp của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (FCPA Australia)	Ông Tuấn trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Trước khi gia nhập VCAM, ông đã giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty.  Ngoài ra, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu Vietnam và thế giới như PriceWaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam, nơi ông lần lượt đảm trách các chức vụ Giám đốc Quản trị Thuế và Giám đốc Kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
<p>Ông Nguyễn Hoàng Bảo (Henry)</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard</p> <p>Tiến sĩ Y khoa trường Đại học Northwestern</p> <p>Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Kellogg School of Management – Hoa Kỳ</p>	<p>Ông Bảo hiện đang là Tổng Giám đốc của Quỹ đầu tư IDG Ventures tại Việt Nam (IDGVV), chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, truyền thông và công nghệ kể từ năm 2004. Trước khi gia nhập IDG Ventures Vietnam, Ông từng là cộng sự nghiên cứu của Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs tại New York. Ông cũng là một trong các thành viên sáng lập S2S Medical Publishing và trang web Medschool.com. Ông còn là Giám đốc Nhượng quyền Phát triển của tập đoàn McDonald’s tại Việt Nam.</p> <p>Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, là thành viên của Hiệp hội Asia Society. Ông còn là thành viên Hội đồng quản trị của Trường Đại học Anh Quốc tại Việt Nam. Ngoài ra, Ông còn là Chủ tịch Hội đồng cố vấn của Quỹ Phẫu thuật nụ cười Operation Smile Vietnam và là thành viên của Hiệp hội Thương mại Amcham tại Việt Nam. Ông Henry giữ chức vụ điều hành của Tập đoàn VC, Công ty cổ phần Vật Giá, Công ty cổ phần Truyền thông trực tuyến VTC, Tập đoàn Công nghệ Vega, VinaPay và Công ty cổ phần Truyền thông Mặt Trời Vàng.</p>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Phạm Hợp Phô	Thành viên Hội đồng quản trị	Thạc sĩ về Quản trị Hành chính công tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.  Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quan hệ Quốc tế tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.	Ông Phó hiện là Giám đốc Điều hành của VCAM. Ông phụ trách các dự án Private Equity M&A của Công ty. Ông có 11 năm kinh nghiệm làm việc tại quỹ đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam.  Trước khi gia nhập VCAM, ông Phó giữ chức vụ Phó Chủ tịch Quỹ IDG Ventures Việt Nam (2006-2017), thành viên sáng lập muaban.net, chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn, cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử như Hotdeal.vn, NhạcCuatui.com, Webtretho.com...  Trước đó, ông có 5 năm là Cố vấn cấp cao Công nghệ Thông tin (Senior IT Consultant II) tại Trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt



Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2020



# BIDV QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ”), trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, với sự hiểu biết của chúng tôi thì Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

**1. Giai đoạn từ 01/01/2019 đến ngày 11/04/2019:** Ngân hàng Giám sát Quỹ là Ngân hàng TNHH Standard Chartered Bank Việt Nam.

Theo dữ liệu nhận bàn giao từ Ngân hàng TNHH Standard Chartered Bank Việt Nam thì:

- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**2. Giai đoạn từ ngày 12/04/2019:** Ngân hàng Giám sát Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Theo ghi nhận của Ngân hàng chúng tôi, từ ngày 12/04/2019, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Ngày 29/11/2019, VCAMBF thực hiện chi trả lợi tức cho Nhà đầu tư với tổng số tiền: 3,053,465,780 VND. Công ty QLQ giữ lại thuế thu nhập cá nhân trước khi chi trả cho nhà đầu tư với số tiền là: 16,433,177 VND. Tuy nhiên, đến hết ngày 31/12/2019, có 02 trường hợp NĐT chưa nhận được tiền lợi tức do nhà đầu tư đã đóng tài khoản ngân hàng mà chưa thực hiện mở lại tài khoản để nhận cổ tức và 01 trường hợp do NĐT qua đời đột ngột, công ty QLQ đang cùng NĐT phối hợp thực hiện các thủ tục để chuyển khoản lợi tức này cho người thừa kế hợp pháp.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bà Trần Thị Kim  
Phó Giám đốc

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Bà Nguyễn Thị Song Hoanh  
Tổ trưởng Tổ giám sát



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 21 đến trang 69.

### **Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu đo gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

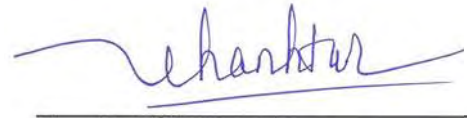
Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00009/2\*2-20-1



Chang Hưng Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khánh Tân  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3458-2020-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2020

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B01 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>5.984.675.914</b>	<b>(3.103.152.337)</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	13	1.925.645.326	1.496.794.000
1.2	Tiền lãi được nhận	03	13	1.567.906.201	820.638.853
1.3	Lỗ bán các khoản đầu tư	04	14	(2.011.326.404)	(3.593.229.750)
1.4	Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	15	4.501.267.404	(1.827.355.440)
1.5	Doanh thu khác	06		1.183.387	-
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>192.932.399</b>	<b>353.119.131</b>
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	16	192.932.399	353.119.131
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>20</b>		<b>1.575.069.108</b>	<b>1.619.357.563</b>
3.1	Giá dịch vụ quản lý Quỹ	20.1	20	683.984.271	668.380.970
3.2	Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	17	263.380.998	240.541.810
3.3	Giá dịch vụ giám sát	20.3	20	113.352.167	234.780.000
3.4	Giá dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	20	180.089.334	134.160.000
3.5	Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		132.000.000	132.000.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		110.000.000	113.170.669
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	18	92.262.338	96.324.114
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)</b>	<b>23</b>		<b>4.216.674.407</b>	<b>(5.075.629.031)</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>		<b>4.216.674.407</b>	<b>(5.075.629.031)</b>
6.1	Lỗ đã thực hiện	31		(284.592.997)	(3.248.273.591)
6.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	32		4.501.267.404	(1.827.355.440)
<b>VIII</b>	<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>4.216.674.407</b>	<b>(5.075.629.031)</b>

Ngày 19 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên  
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B02 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>14.634.364.440</b>	<b>24.815.856.847</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		4.322.206.226	4.497.148.813
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng	112		10.312.158.214	20.318.708.034
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>		<b>60.101.073.186</b>	<b>48.890.142.000</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	60.101.073.186	48.890.142.000
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>951.447.728</b>	<b>1.135.167.919</b>
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131		-	919.618.500
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	6	951.447.728	215.549.419
3.2.2	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>136</i>		<i>951.447.728</i>	<i>215.549.419</i>
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (100 = 110 + 120 + 130)	<b>100</b>		<b>75.686.885.354</b>	<b>74.841.166.766</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
2	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	7	116.975.200	-
3	Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	313		13.967.787	506.019
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		692.972	701.204
5	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	315	8	126.378	-
6	Chi phí phải trả	316	9	81.200.000	81.200.000
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	10	67.153.715	116.270.214
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 312 + 313 + 314 + 315 + 316 + 319)	<b>300</b>		<b>280.116.052</b>	<b>198.677.437</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B02 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)</b>	<b>400</b>		<b>75.406.769.302</b>	<b>74.642.489.329</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>11</b>	<b>63.271.328.552</b>	<b>63.515.455.252</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		70.267.634.852	67.944.463.052
1.2	Vốn góp mua lại	413		(6.996.306.300)	(4.429.007.800)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>11</b>	<b>873.407.391</b>	<b>1.028.209.345</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>420</b>	<b>12</b>	<b>11.262.033.359</b>	<b>10.098.824.732</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>430</b>	<b>11</b>	<b>11.918,00</b>	<b>11.751,86</b>
<b>V</b>	<b>LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>	<b>440</b>			
1	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	441	12	3.053.465.780	-
2	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này	442		14.948.413.239	11.894.947.459
<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			<b>31/12/2019 CCQ</b>	<b>31/12/2018 CCQ</b>
<b>4</b>	<b>Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành</b>	<b>004</b>	<b>11</b>	<b>6.327.132,85</b>	<b>6.351.545,52</b>

Ngày 19 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên  
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B03 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	2019 VND	2018 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu năm	74.642.489.329	74.816.350.778
II	Thay đổi NAV so với năm trước <i>Trong đó:</i>	1.163.208.627	(5.075.629.031)
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	4.216.674.407	(5.075.629.031)
II.2	Thay đổi NAV của Quỹ do phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư trong năm	(3.053.465.780)	-
III	Thay đổi NAV do mua lại và phát hành thêm Chứng chỉ quỹ <i>Trong đó:</i>	(398.928.654)	4.901.767.582
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	2.737.827.241	5.193.900.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(3.136.755.895)	(292.132.418)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm (IV = I + II + III)	75.406.769.302	74.642.489.329

Ngày 19 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Trần Đỗ Quyên  
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B04 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2019 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2019 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Mã cổ phiếu niêm yết</b>				
1	AMV	195.000	24.500	4.777.500.000	6,31%
2	FPT	274.000	58.300	15.974.200.000	21,11%
3	GEG	130.000	27.000	3.510.000.000	4,64%
4	GMD	30.000	23.300	699.000.000	0,92%
5	MBB	215.200	20.800	4.476.160.000	5,91%
6	NLG	114.115	27.500	3.138.162.500	4,15%
7	PCI	85.000	17.500	1.487.500.000	1,97%
8	PVS	150.000	17.500	2.625.000.000	3,47%
9	VGC	60.000	18.400	1.104.000.000	1,45%
10	VNM	30.000	116.500	3.495.000.000	4,62%
11	VPB	110.000	20.000	2.200.000.000	2,91%
		<b>1.393.315</b>		<b>43.486.522.500</b>	<b>57,46%</b>
<b>II</b>	<b>Mã trái phiếu chưa niêm yết</b>				
1	VB2019500.02	400	10.000.000	4.000.000.000	5,28%
<b>V</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng			12.614.550.686	16,66%
2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư			951.447.728	1,26%
				<b>13.565.998.414</b>	<b>17,92%</b>
<b>VI</b>	<b>Tiền</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền			14.634.364.440	19,34%
<b>VII</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>75.686.885.354</b>	<b>100,00%</b>

Ngày 19 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên  
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trản Việt  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B05 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		4.216.674.407	(5.075.629.031)
Điều chỉnh cho các khoản (tăng)/giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02		(4.501.267.404)	1.827.355.440
Chênh lệch (tăng)/giảm thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03		(4.501.267.404)	1.827.355.440
<b>Lỗ từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>05</b>		<b>(284.592.997)</b>	<b>(3.248.273.591)</b>
(Tăng)/giảm các khoản đầu tư	20		(6.709.663.782)	5.040.652.560
Giảm phải thu về bán các khoản đầu tư	06		919.618.500	398.394.910
(Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07		(735.898.309)	83.437.751
Tăng/(giảm) phải trả về mua các khoản đầu tư	10		116.975.200	(623.604.005)
Tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	11		13.461.768	406.019
Tăng phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	12		126.378	-
(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13		(8.232)	101.204
Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	14		-	(50.000.000)
Giảm phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17		(49.116.499)	(29.072.030)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>19</b>		<b>(6.729.097.973)</b>	<b>1.572.042.818</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	31	11	2.737.827.241	5.193.900.000
Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ	32	11	(3.136.755.895)	(292.132.418)
Tiền chi trả cổ tức, tiền lãi cho Nhà đầu tư	35		(3.053.465.780)	(257.724)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>		<b>(3.452.394.434)</b>	<b>4.901.509.858</b>
<b>Tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm</b>	<b>40</b>		<b>(10.181.492.407)</b>	<b>6.473.552.676</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B05 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>50</b>	<b>4</b>	<b>24.815.856.847</b>	<b>18.342.304.171</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	51		24.815.856.847	18.342.304.171
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	52		4.497.148.813	6.274.096.408
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng	52		20.318.708.034	12.018.207.763
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	53		-	50.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>55</b>	<b>4</b>	<b>14.634.364.440</b>	<b>24.815.856.847</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	56		14.634.364.440	24.815.856.847
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	57		4.322.206.226	4.497.148.813
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng	57		10.312.158.214	20.318.708.034
<b>Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>	<b>60</b>		<b>(10.181.492.407)</b>	<b>6.473.552.676</b>

Ngày 19 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Người duyệt:



Bà Trần Đỗ Quyên  
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ



Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Thông tin về Quỹ**

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014, điều chỉnh một lần theo Giấy Chứng nhận về việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng số 03/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 4 năm 2019. Theo giấy chứng nhận này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương đương với 5.431.408,95 Chứng chỉ quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Chứng chỉ quỹ được giao dịch thông qua các Đại lý phân phối.

Chứng chỉ quỹ đã được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014. Theo giấy chứng nhận này, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 VND, tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành tháng 12 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất (lần 6) vào tháng 4 năm 2019.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam từ ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam) đến ngày 11 tháng 4 năm 2019, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Phòng 2303, Tòa nhà Lim Tower, Số 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các tiêu chí sau:

- (i) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được nắm giữ 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản: Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; phát hành bởi một công ty hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; phát hành bởi một công ty hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- (iii) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- (iv) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- (v) Quỹ không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- (vi) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (vii) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (viii) Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- (ix) Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Theo Thông tư số 15/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, trừ trường hợp quy định tại điểm (vii), (viii) và (ix) bên trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- (iii) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iv) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (v) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc đo tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- (vi) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **Kỳ xác định giá trị tài sản ròng (NAV)**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào thứ sáu “ngày định giá” theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ. Trường hợp ngày định giá là ngày nghỉ lễ (theo quy định của Nhà nước) thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Ngoài ra, Quỹ cũng xác định giá trị tài sản ròng tại ngày cuối cùng mỗi tháng cho mục đích lập báo cáo theo pháp luật chứng khoán hiện hành áp dụng cho Quỹ mở.

#### **Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ**

Giá trị tài sản ròng (NAV) là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

#### **Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ**

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hai (02) lần/một (01) tháng vào ngày thứ sáu thứ nhất và thứ sáu thứ ba của tháng (“ngày giao dịch”). Trường hợp ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang thứ sáu của tuần kế tiếp. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối, các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ về ngày giao dịch bù này trước ít nhất một (01) tháng.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(b), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(e) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(b) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(b)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong năm.

##### **(i) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

##### **(ii) Ghi nhận**

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch, là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư này được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

##### **(iii) Xác định giá trị**

Theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC và Thông tư số 15/2016/TT-BTC, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### Trái phiếu

##### ▪ Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu Chính phủ:

Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày định giá, và lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm trong Giới hạn chênh lệch: Giá được xác định là giá yết cuối ngày trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

Trường hợp không có giao dịch tham chiếu trong vòng hai (02) tuần đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm ngoài Giới hạn chênh lệch thì giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:

- Giá xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu là lãi suất chiết khấu trung bình do (03) tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn tại ngày giao dịch gần nhất nhưng không quá (02) tuần tính đến ngày định giá; hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Theo phương pháp do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

##### ▪ Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương:

Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày định giá, và lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm trong Giới hạn chênh lệch: Giá được xác định là giá yết cuối ngày trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

Trường hợp không có giao dịch tham chiếu trong vòng hai (02) tuần đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm ngoài Giới hạn chênh lệch thì giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Theo phương pháp do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

##### ▪ Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu

- Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên.
- Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo như tiêu chí của mục Cổ phiếu.

## Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### ▪ Trái phiếu không niêm yết

Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Theo phương pháp do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.

#### **Cổ phiếu**

#### ▪ Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM:

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba (03) tháng trước ngày định giá; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.

#### ▪ Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch:

Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu của các công ty này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

#### ▪ Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp.

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

#### Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Cổ phiếu được phép đầu tư nhưng chưa đăng ký, lưu ký và chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp.  
  
Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
  - Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
  - Giá mua; hoặc
  - Giá trị sổ sách;
- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:  
Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Mệnh giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản:  
Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
  - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

#### **Quyền mua chứng khoán**

Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính và báo cáo thu nhập tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

#### **(iv) Chấm dứt ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(d) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

#### **(e) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **(f) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty Quản lý Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quỹ như sau:

##### **(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ để kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC, quỹ mở không được cho vay (ngoại trừ trường hợp đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu).

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### **(g) Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

##### ***Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 96”) và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của tổ chức đầu tư theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho Nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### ***Giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92, Thông tư 25 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế khấu trừ áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96.

#### **(h) Các giao dịch về vốn, thặng dư vốn và lợi nhuận chưa phân phối**

##### ***(i) Vốn góp của Nhà đầu tư***

Các Chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

##### ***Vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

##### ***Vốn góp mua lại***

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

##### ***(ii) Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư***

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng và mệnh giá của Chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **(iii) Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối**

Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện.

Lỗ/lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị lỗ/lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào “Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

### **(iv) Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư**

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

### **(i) Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ mở**

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ mở tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các Chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi Chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ đồng thời cũng phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Cổ tức của Quỹ được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(j) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

##### **(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

##### **(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### **(k) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm chi trả.

#### **(l) Giá trị tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ quỹ**

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

#### **(m) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### (n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### (o) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## 4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng sau đây:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	4.322.206.226	-
▪ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	-	4.497.148.813
	<hr/> 4.322.206.226	<hr/> 4.497.148.813
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng		
▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt	7.312.158.214	15.318.708.034
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	5.000.000.000
	<hr/> 10.312.158.214	<hr/> 20.318.708.034
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<hr/> 14.634.364.440	<hr/> 24.815.856.847

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư**

Tất cả các công ty được Quỹ đầu tư như được liệt kê trên báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(b), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư tại các ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá trị thị trường VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại trong năm		Giá trị đánh giá lại VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>					
Cổ phiếu niêm yết	39.855.619.980	43.486.522.500	5.219.603.531	(1.588.701.011)	43.486.522.500
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	12.614.550.686	12.614.550.686	-	-	12.614.550.686
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
	56.470.170.666	60.101.073.186	5.219.603.531	(1.588.701.011)	60.101.073.186
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	49.760.506.884	48.890.142.000	4.231.764.076	(5.102.128.960)	48.890.142.000

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

	<b>31/12/2019</b>	<b>31/12/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự thu cổ tức	427.000.000	75.200.000
Dự thu trái tức	116.438.356	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	408.009.372	140.349.419
	<b>951.447.728</b>	<b>215.549.419</b>

**7. Phải trả về mua các khoản đầu tư**

Số dư phải trả về mua các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**8. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư**

Số dư phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 thể hiện số tiền bị trả lại tài khoản chuyên dùng của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát do Nhà đầu tư thay đổi thông tin tài khoản ngân hàng nhận cổ tức.

**9. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2019</b>	<b>31/12/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí kiểm toán	65.000.000	65.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000
	<b>81.200.000</b>	<b>81.200.000</b>

**10. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ**

	<b>31/12/2019</b>	<b>31/12/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá dịch vụ quản lý Quỹ	56.103.715	57.625.214
Giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng	11.000.000	11.000.000
Giá giao dịch chứng khoán	50.000	6.150.000
Giá dịch vụ giám sát Quỹ	-	19.565.000
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	-	11.180.000
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán	-	10.750.000
	<b>67.153.715</b>	<b>116.270.214</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC**ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***11. Vốn góp của Nhà đầu tư**

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương ứng với 5.431.408,95 Chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 VND trên một Chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp và số lượng Chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	<b>Đơn vị</b>	<b>Tại ngày 31/12/2018 VND</b>	<b>Phát sinh trong năm VND</b>	<b>Tại ngày 31/12/2019 VND</b>
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	6.794.446,30	232.317,18	7.026.763,48
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	67.944.463.052	2.323.171.800	70.267.634.852
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	1.886.651.500	414.655.441	2.301.306.941
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	69.831.114.552	2.737.827.241	72.568.941.793
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	(442.900,78)	(256.729,85)	(699.630,63)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(4.429.007.800)	(2.567.298.500)	(6.996.306.300)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	(858.442.155)	(569.457.395)	(1.427.899.550)
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(5.287.449.955)	(3.136.755.895)	(8.424.205.850)
<b>Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)</b>	<b>CCQ</b>	<b>6.351.545,52</b>	<b>(24.412,67)</b>	<b>6.327.132,85</b>
<b>Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)</b>	<b>VND</b>	<b>63.515.455.252</b>	<b>(244.126.700)</b>	<b>63.271.328.552</b>
<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7)</b>	<b>VND</b>	<b>1.028.209.345</b>	<b>(154.801.954)</b>	<b>873.407.391</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối (12)</b>	<b>VND</b>	<b>10.098.824.732</b>	<b>1.163.208.627</b>	<b>11.262.033.359</b>
<b>NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)</b>	<b>VND</b>	<b>74.642.489.329</b>		<b>75.406.769.302</b>
<b>NAV hiện hành/1 Chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)</b>	<b>VND/CCQ</b>	<b>11.751,86</b>		<b>11.918,00</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***12. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	10.098.824.732	15.174.453.763
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế trong năm	4.216.674.407	(5.075.629.031)
Trong đó		
<i>Lỗ đã thực hiện chưa phân phối</i>	<i>(284.592.997)</i>	<i>(3.248.273.591)</i>
<i>Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện</i>	<i>4.501.267.404</i>	<i>(1.827.355.440)</i>
Chia cổ tức	(3.053.465.780)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	11.262.033.359	10.098.824.732

**13. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Cổ tức được chia trong năm		
<i>Cổ tức phát sinh trong năm đã nhận</i>	1.382.206.970	1.421.594.000
<i>Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận</i>	427.000.000	75.200.000
<i>Dự thu trái tức chưa đến ngày nhận</i>	116.438.356	-
	1.925.645.326	1.496.794.000
Tiền lãi được nhận trong năm		
<i>Tiền lãi phát sinh trong năm đã nhận</i>	1.159.896.829	680.289.434
<i>Dự thu lãi chưa đến ngày nhận</i>	408.009.372	140.349.419
	1.567.906.201	820.638.853
	3.493.551.527	2.317.432.853

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***14. Lãi bán các khoản đầu tư****Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lỗ bán chứng khoán trong năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2019 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2018 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	67.824.289.500	69.835.615.904	(2.011.326.404)	16.944.200.290	18.955.526.694

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lỗ bán chứng khoán trong năm kết thúc ngày 31/12/2018 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2018 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2017 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	122.948.022.310	126.541.252.060	(3.593.229.750)	18.955.526.694	22.548.756.444



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**15. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2019 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2019 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2018 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	39.855.619.980	43.486.522.500	3.630.902.520	(870.364.884)	4.501.267.404
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	12.614.550.686	12.614.550.686	-	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
	56.470.170.666	60.101.073.186	3.630.902.520	(870.364.884)	4.501.267.404

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2018 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2018 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2017 VND [4]	Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm kết thúc ngày 31/12/2018 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM	49.760.506.884	48.890.142.000	(870.364.884)	956.990.556	(1.827.355.440)



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Trong năm, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

STT [1]	Tên các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo [2]	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ [3]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm [6] = [4]/[5][%]	Phí giao dịch bình quân [7]	Phí giao dịch bình quân trên thị trường [8]
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND [4]	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VND [5]			
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không có liên quan	54.094.473.000	127.755.018.500	42,34%	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không có liên quan	54.905.799.500	127.755.018.500	42,98%	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	12.239.945.500	127.755.018.500	9,58%	0,15%	0,15%-0,50%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không có liên quan	4.202.532.500	127.755.018.500	3,29%	0,15%	0,15%-0,50%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Không có liên quan	2.312.268.000	127.755.018.500	1,81%	0,15%	0,15%-0,50%
<b>Tổng</b>			<b>127.755.018.500</b>		<b>100,00%</b>		

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chi tiền gửi, thực hiện quyền, giao dịch lô lẻ và các giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm	Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VND			
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4]/[5][%]	[7]	[8]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không có liên quan	98.778.809.500	234.273.598.500	42,16%	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không có liên quan	96.487.458.000	234.273.598.500	41,19%	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	19.208.390.000	234.273.598.500	8,20%	0,15%	0,15%-0,50%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không có liên quan	19.798.941.000	234.273.598.500	8,45%	0,15%	0,15%-0,50%
<b>Tổng</b>			<b>234.273.598.500</b>		<b>100,00%</b>		

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch lô lẻ và thực hiện quyền) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***17. Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát	208.858.333	129.000.000
Phí giao dịch chứng khoán và xử lý hồ sơ phải trả cho Ngân hàng Giám sát	47.860.860	103.950.000
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	6.661.805	7.591.810
	<hr/>	<hr/>
	263.380.998	240.541.810
	<hr/>	<hr/>

**18. Chi phí hoạt động khác**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	72.000.000	72.000.000
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước	10.000.000	10.000.000
Phí ngân hàng	9.162.338	13.224.114
Phí lập danh sách thực hiện quyền	1.100.000	1.100.000
	<hr/>	<hr/>
	92.262.338	96.324.114
	<hr/>	<hr/>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC**ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***19. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2019			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND/CCQ
	31/12/2018	74.642.489.329	6.351.545,52	11.751,86	
1	03/01/2019	73.130.727.718	6.351.545,52	11.513,85	(238,01)
2	10/01/2019	73.087.156.143	6.351.545,52	11.506,99	(6,86)
3	17/01/2019	72.977.330.858	6.351.545,52	11.489,70	(17,29)
4	24/01/2019	73.084.065.254	6.351.545,52	11.506,50	16,80
5	31/01/2019	73.969.967.119	6.351.545,52	11.645,98	139,48
6	07/02/2019	73.901.320.875	6.351.545,52	11.635,17	(10,81)
7	14/02/2019	74.615.389.953	6.351.545,52	11.747,60	112,43
8	21/02/2019	74.676.185.923	6.351.545,52	11.757,17	9,57
9	28/02/2019	74.689.940.491	6.351.545,52	11.759,33	2,16
10	07/03/2019	75.303.836.098	6.351.545,52	11.855,99	96,66
11	14/03/2019	76.278.275.866	6.351.545,52	12.009,40	153,41
12	21/03/2019	76.448.461.755	6.355.688,10	12.028,35	18,95
13	28/03/2019	76.475.566.862	6.355.688,10	12.032,62	4,27
14	31/03/2019	76.493.937.893	6.355.688,10	12.035,51	2,89
15	04/04/2019	76.714.603.081	6.355.688,10	12.070,23	34,72
16	11/04/2019	76.971.302.174	6.355.688,10	12.110,62	40,39
17	18/04/2019	76.550.786.856	6.355.688,10	12.044,45	(66,17)
18	25/04/2019	77.007.813.813	6.355.688,10	12.116,36	71,91
19	30/04/2019	77.328.920.719	6.355.688,10	12.166,88	50,52
20	02/05/2019	77.561.241.598	6.355.688,10	12.203,44	36,56
21	09/05/2019	76.576.982.904	6.355.688,10	12.048,57	(154,87)
22	16/05/2019	77.757.948.914	6.355.688,10	12.234,39	185,82
23	23/05/2019	78.201.701.736	6.355.688,10	12.304,21	69,82
24	30/05/2019	77.715.833.558	6.355.688,10	12.227,76	(76,45)
25	31/05/2019	77.108.008.045	6.355.688,10	12.132,13	(95,63)
26	06/06/2019	76.793.691.043	6.355.688,10	12.082,67	(49,46)
27	13/06/2019	76.655.384.174	6.355.688,10	12.060,91	(21,76)
28	20/06/2019	77.444.942.477	6.355.688,10	12.185,14	124,23
29	27/06/2019	76.660.293.387	6.347.759,91	12.076,75	(108,39)
30	30/06/2019	76.634.863.141	6.347.759,91	12.072,74	(4,01)
31	04/07/2019	77.106.944.230	6.347.759,91	12.147,11	74,37
32	11/07/2019	77.497.121.255	6.347.759,91	12.208,58	61,47
33	18/07/2019	77.638.755.405	6.347.759,91	12.230,89	22,31
34	25/07/2019	78.515.828.915	6.347.841,26	12.368,90	138,01
35	31/07/2019	77.837.224.484	6.347.841,26	12.262,00	(106,90)
36	01/08/2019	77.801.945.289	6.347.841,26	12.256,44	(5,56)
37	08/08/2019	78.246.590.043	6.347.841,26	12.326,49	70,05



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2019			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ
38	15/08/2019	79.099.956.532	6.347.841,26	12.460,92	134,43
39	22/08/2019	79.169.560.101	6.347.841,26	12.471,89	10,97
40	29/08/2019	77.556.991.257	6.347.841,26	12.217,85	(254,04)
41	31/08/2019	77.549.842.975	6.347.841,26	12.216,73	(1,12)
42	05/09/2019	77.607.793.904	6.347.841,26	12.225,86	9,13
43	12/09/2019	76.261.454.249	6.146.336,28	12.407,63	181,77
44	19/09/2019	76.842.196.181	6.146.336,28	12.502,11	94,48
45	26/09/2019	76.006.701.600	6.146.336,28	12.366,18	(135,93)
46	30/09/2019	76.129.623.398	6.146.336,28	12.386,18	20,00
47	03/10/2019	76.052.430.450	6.146.336,28	12.373,62	(12,56)
48	10/10/2019	75.746.108.600	6.146.336,28	12.323,78	(49,84)
49	17/10/2019	76.155.612.450	6.146.336,28	12.390,41	66,63
50	24/10/2019	75.669.432.386	6.146.336,28	12.311,31	(79,10)
51	31/10/2019	75.432.719.429	6.146.336,28	12.272,79	(38,52)
52	07/11/2019	75.937.306.833	6.106.931,56	12.434,61	161,82
53	14/11/2019	75.391.825.150	6.106.931,56	12.345,29	(89,32)
54	21/11/2019	75.065.281.990	6.106.931,56	12.291,82	(53,47)
55	28/11/2019	72.087.897.198	6.106.931,56	11.804,27	(487,55)
56	30/11/2019	72.498.682.225	6.106.931,56	11.871,54	67,27
57	05/12/2019	71.879.853.852	6.106.931,56	11.770,21	(101,33)
58	12/12/2019	72.711.255.219	6.106.931,56	11.906,35	136,14
59	19/12/2019	71.943.523.479	6.106.931,56	11.780,63	(125,72)
60	26/12/2019	75.101.616.889	6.327.132,85	11.869,77	89,14
61	31/12/2019	75.406.769.302	6.327.132,85	11.918,00	48,23
▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm		76.012.546.323			
▪ Biến động NAV/1CCQ trong năm ở mức cao nhất		(487,55)			
▪ Biến động NAV/1CCQ trong năm ở mức thấp nhất		(1,12)			

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*

*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2018			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCGQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCGQ VND/CCQ
	31/12/2017	74.816.350.778	5.961.553,96	12.549,81	
1	04/01/2018	74.818.314.551	5.961.553,96	12.550,14	0,33
2	11/01/2018	75.969.678.133	5.975.031,87	12.714,52	164,38
3	18/01/2018	74.942.233.437	5.975.031,87	12.542,57	(171,95)
4	25/01/2018	78.776.666.792	6.331.615,22	12.441,80	(100,77)
5	31/01/2018	78.779.376.064	6.331.615,22	12.442,22	0,42
6	01/02/2018	78.651.263.632	6.331.615,22	12.421,99	(20,23)
7	08/02/2018	75.964.762.259	6.332.416,21	11.996,17	(425,82)
8	15/02/2018	78.098.622.231	6.332.416,21	12.333,15	336,98
9	22/02/2018	79.116.818.625	6.332.416,21	12.493,94	160,79
10	28/02/2018	79.814.147.885	6.332.416,21	12.604,06	110,12
11	01/03/2018	79.524.432.825	6.332.416,21	12.558,31	(45,75)
12	08/03/2018	79.388.012.198	6.336.377,73	12.528,93	(29,38)
13	15/03/2018	79.852.555.582	6.336.377,73	12.602,24	73,31
14	22/03/2018	79.832.754.229	6.355.326,73	12.561,55	(40,69)
15	29/03/2018	78.865.814.978	6.355.326,73	12.409,40	(152,15)
16	31/03/2018	79.412.685.280	6.355.326,73	12.495,45	86,05
17	05/04/2018	80.495.780.614	6.355.326,73	12.665,88	170,43
18	12/04/2018	79.322.510.697	6.359.254,60	12.473,55	(192,33)
19	19/04/2018	76.332.017.948	6.359.254,60	12.003,30	(470,25)
20	26/04/2018	72.377.177.997	6.359.254,60	11.381,39	(621,91)
21	30/04/2018	73.355.158.491	6.359.254,60	11.535,18	153,79
22	03/05/2018	72.821.979.413	6.359.254,60	11.451,34	(83,84)
23	10/05/2018	72.867.082.634	6.368.632,44	11.441,56	(9,78)
24	17/05/2018	72.903.700.693	6.368.632,44	11.447,31	5,75
25	24/05/2018	71.567.429.571	6.368.632,44	11.237,49	(209,82)
26	31/05/2018	70.496.317.389	6.368.632,44	11.069,30	(168,19)
27	07/06/2018	73.828.637.573	6.368.632,44	11.592,54	523,24
28	14/06/2018	73.632.068.860	6.368.632,44	11.561,68	(30,86)
29	21/06/2018	71.383.312.270	6.368.632,44	11.208,58	(353,10)
30	28/06/2018	70.173.523.800	6.368.632,44	11.018,62	(189,96)
31	30/06/2018	69.861.083.169	6.368.632,44	10.969,56	(49,06)
32	05/07/2018	65.851.472.788	6.368.632,44	10.339,97	(629,59)
33	12/07/2018	66.158.724.298	6.367.046,81	10.390,80	50,83
34	19/07/2018	69.397.398.050	6.367.046,81	10.899,46	508,66
35	26/07/2018	68.589.633.096	6.367.046,81	10.772,60	(126,86)
36	31/07/2018	69.339.816.048	6.367.046,81	10.890,42	117,82
37	02/08/2018	69.093.926.988	6.367.046,81	10.851,80	(38,62)
38	09/08/2018	69.669.634.999	6.367.046,81	10.942,22	90,42
39	16/08/2018	69.795.322.097	6.367.046,81	10.961,96	19,74



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2018		NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
40	23/08/2018	71.045.842.656	6.359.940,94	11.170,83	208,87
41	30/08/2018	72.194.018.925	6.359.940,94	11.351,37	180,54
42	31/08/2018	72.000.575.776	6.359.940,94	11.320,95	(30,42)
43	06/09/2018	71.376.081.696	6.359.940,94	11.222,76	(98,19)
44	13/09/2018	71.838.180.255	6.359.940,94	11.295,42	72,66
45	20/09/2018	73.909.587.968	6.359.940,94	11.621,11	325,69
46	27/09/2018	77.039.275.996	6.359.940,94	12.113,21	492,10
47	30/09/2018	77.234.172.247	6.359.940,94	12.143,85	30,64
48	04/10/2018	77.909.218.075	6.359.940,94	12.249,99	106,14
49	11/10/2018	75.600.600.199	6.359.940,94	11.887,00	(362,99)
50	18/10/2018	76.484.899.097	6.359.940,94	12.026,04	139,04
51	25/10/2018	73.218.531.412	6.359.940,94	11.512,45	(513,59)
52	31/10/2018	73.767.005.204	6.359.940,94	11.598,69	86,24
53	01/11/2018	72.979.773.552	6.359.940,94	11.474,91	(123,78)
54	08/11/2018	73.998.691.491	6.359.940,94	11.635,12	160,21
55	15/11/2018	71.819.293.824	6.359.940,94	11.292,45	(342,67)
56	22/11/2018	73.783.236.991	6.359.940,94	11.601,25	308,80
57	29/11/2018	73.194.280.710	6.359.940,94	11.508,64	(92,61)
58	30/11/2018	73.377.447.298	6.359.940,94	11.537,44	28,80
59	06/12/2018	76.796.282.255	6.359.940,94	12.075,00	537,56
60	13/12/2018	76.640.323.676	6.352.045,52	12.065,46	(9,54)
61	20/12/2018	74.529.235.741	6.352.045,52	11.733,11	(332,35)
62	27/12/2018	74.121.673.914	6.351.545,52	11.669,86	(63,25)
63	31/12/2018	74.642.489.329	6.351.545,52	11.751,86	82,00
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm <span style="float: right;">74.295.596.293</span></li> <li>▪ Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức cao nhất <span style="float: right;">(629,59)</span></li> <li>▪ Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức thấp nhất <span style="float: right;">0,33</span></li> </ul>					

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 20. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

#### (a) Giao dịch với các bên liên quan

##### (i) Các bên liên quan

Trong năm, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

#### *Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ*

	2019 VND	2018 VND
Giá dịch vụ quản lý Quỹ	683.984.271	668.380.970
Mua Chứng chỉ quỹ		
Số lượng Chứng chỉ quỹ	228.093,25	356.984,25
Giá trị theo mệnh giá	2.280.932.500	3.569.842.500
Thặng dư vốn	406.149.741	907.657.500

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá (2018: 0,9% một năm). Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ kế toán năm để đảm bảo tổng giá dịch vụ quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

#### *Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Chứng khoán của Quỹ*

	2019 VND	2018 VND
Phí môi giới	18.359.919	28.812.587

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt là công ty chứng khoán của Quỹ từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 (ngày thành lập). Phí môi giới phải trả Công ty Chứng khoán được tính bằng 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)****Ngân hàng TMCP Bản Việt – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ***

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ lãi tiền gửi	924.464.175	616.428.705
Phí ngân hàng	-	669.214

***Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ***

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	72.000.000	72.000.000

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao cho thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**(ii) Các hợp đồng then chốt khác*****Giao dịch với Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Ngân hàng Giám sát đến ngày 11 tháng 4 năm 2019***

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá dịch vụ giám sát	65.868.834	234.780.000
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	37.639.334	134.160.000
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán	36.191.666	129.000.000
Phí giao dịch chứng khoán	20.400.000	103.950.000
Phí ngân hàng	4.415.838	12.532.900
	<b>164.515.672</b>	<b>614.422.900</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***Giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Ngân hàng Giám sát từ ngày 12 tháng 4 năm 2019**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán	172.666.667	-
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	142.450.000	-
Giá dịch vụ giám sát	47.483.333	-
Phí giao dịch chứng khoán	27.460.860	-
Phí ngân hàng	4.746.500	-
	<hr/>	
	394.807.360	-
	<hr/>	

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát tài sản và giá dịch vụ quản trị quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

*Trước ngày 12 tháng 4 năm 2019*

<b>Dịch vụ</b>	<b>Biểu phí</b>
Giám sát (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0,035% trên NAV mỗi năm;</li> <li>• Mức giá dịch vụ giám sát tối thiểu là 19.565.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>
Lưu ký chứng khoán (không chịu VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• NAV dưới 1.500 tỷ VND: 0,06% trên NAV mỗi năm;</li> <li>• NAV từ 1.500 tỷ VND trở lên: 0,05% trên NAV mỗi năm;</li> <li>• Mức giá dịch vụ lưu ký tối thiểu là 10.750.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>
Quản trị quỹ (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0,02% trên NAV mỗi năm;</li> <li>• Mức giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu là 11.180.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>

*Từ ngày 12 tháng 4 năm 2019*

<b>Dịch vụ</b>	<b>Biểu phí</b>
Giám sát (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0,02% trên NAV mỗi năm;</li> <li>• Mức giá dịch vụ giám sát tối thiểu là 5.500.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>
Lưu ký chứng khoán (không chịu VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0,06% trên NAV mỗi năm;</li> <li>• Mức giá dịch vụ lưu ký tối thiểu là 20.000.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>
Quản trị quỹ (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0,03% trên NAV mỗi năm;</li> <li>• Mức giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu là 16.500.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Các giá dịch vụ trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Ngoài các phí và giá dịch vụ trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát các chi phí liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ như sau:

*Trước ngày 12 tháng 4 năm 2019*

<b>Dịch vụ</b>	<b>Biểu phí</b>
Giao dịch mua/bán chứng khoán	• 150.000 VND/giao dịch

*Từ ngày 12 tháng 4 năm 2019*

<b>Dịch vụ</b>	<b>Biểu phí</b>
Giao dịch mua/bán chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"><li>• 0,03% trên tổng giá trị giao dịch;</li><li>• Mức phí giao dịch tối thiểu là 50.000 VND mỗi ngày có giao dịch thành công.</li></ul>
Trái phiếu	<ul style="list-style-type: none"><li>• 0,01% trên tổng giá trị giao dịch;</li><li>• Mức phí giao dịch tối thiểu là 50.000 VND mỗi ngày có giao dịch thành công.</li></ul>
Các khoản đầu tư khác	• 100.000 VND mỗi ngày phát sinh giao dịch.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***(b) Số dư với các bên liên quan**

	<b>31/12/2019</b>	<b>31/12/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Quản lý Quỹ</b>		
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt</b>		
Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả	56.103.715	57.625.214
Số lượng Chứng chỉ quỹ đang nắm giữ	5.631.050,96	5.402.957,71
<b>Ngân hàng giám sát</b>		
<b>Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)</b>		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	-	4.497.148.813
Phí/giá dịch vụ phải trả	-	47.645.000
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa</b>		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	4.322.206.226	-
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng	3.000.000.000	-
Phí/giá dịch vụ phải trả	50.000	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Ngân hàng TMCP Bản Việt</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng	7.312.158.214	15.318.708.034
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	7.614.550.686	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	202.091.563	126.034.351
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt</b>		
Trái phiếu không niêm yết	4.000.000.000	-
Dự thu trái tức	116.438.356	-
<b>Ban Đại diện Quỹ</b>		
Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***21. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở**

	2019	2018
<b>I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
1 Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong năm (%)	0,90%	0,90%
2 Giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong năm (%)	0,50%	0,64%
3 Giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong năm (%)	0,41%	0,36%
4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong năm (%)	0,14%	0,15%
5 Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong năm (%)	0,09%	0,10%
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong năm (%)	2,07%	2,18%
7 Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong năm (lần)	0,87	1,68

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

	2019	2018
<b>II Các chỉ tiêu khác</b>		
<b>1 Quy mô Quỹ đầu năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)</b>		
Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	63.515.455.252	59.615.539.652
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu năm	6.351.545,52	5.961.553,96
<b>2 Thay đổi quy mô Quỹ trong năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)</b>		
Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong năm	232.317,18	415.479,38
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong năm (theo mệnh giá)	2.323.171.800	4.154.793.800
Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong năm	(256.729,85)	(25.487,82)
Giá trị vốn góp mua lại trong năm khi đáp ứng lệnh của Nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(2.567.298.500)	(254.878.200)
<b>3 Quy mô Quỹ cuối năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)</b>		
Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	63.271.328.552	63.515.455.252
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối năm	6.327.132,85	6.351.545,52
<b>4 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối năm</b>		
	<b>96,07%</b>	<b>96,00%</b>
<b>5 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của 10 Nhà đầu tư lớn nhất cuối năm</b>		
	<b>97,88%</b>	<b>97,35%</b>
<b>6 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài cuối năm</b>		
	<b>0,16%</b>	<b>0,28%</b>
<b>7 Số Nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm</b>		
	<b>113</b>	<b>116</b>
<b>8 NAV/đơn vị quỹ cuối năm</b>		
	<b>11.918,00</b>	<b>11.751,86</b>



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **22. Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

#### **(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu và các khoản phải thu.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phát hành bởi một bên liên quan và Ban Đại diện Quỹ không kỳ vọng rằng bên liên quan sẽ không đáp ứng được các nghĩa vụ của họ.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại các ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	14.634.364.440	24.815.856.847
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	12.614.550.686	-
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	4.000.000.000	-
	31.248.915.126	24.815.856.847

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại các ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu là chứng khoán niêm yết, tiền gửi ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết. Các chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch tại trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phát hành bởi một bên liên quan và có thời gian đáo hạn ngắn. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày kết thúc năm kế toán thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Phải trả để mua các khoản đầu tư	116.975.200	116.975.200	116.975.200
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	13.967.787	13.967.787	13.967.787
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	126.378	126.378	126.378
Chi phí phải trả	81.200.000	81.200.000	81.200.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	67.153.715	67.153.715	67.153.715
	279.423.080	279.423.080	279.423.080

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	506.019	506.019	506.019
Chi phí phải trả	81.200.000	81.200.000	81.200.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	116.270.214	116.270.214	116.270.214
	197.976.233	197.976.233	197.976.233

#### (c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

##### (i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết hưởng lãi suất cố định và có thời gian đáo hạn ngắn.

##### (ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là VND cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

##### (iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư chủ yếu vào chứng khoán niêm yết. Các chứng khoán niêm yết sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 43.486.522.500 VND (31/12/2018: 48.890.142.000 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (31/12/2018: 10%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 4.348.652.250 VND (31/12/2018: 4.889.014.200 VND).

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***(d) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	43.486.522.500	43.486.522.500	48.890.142.000	48.890.142.000
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	4.000.000.000	4.116.438.356	-	-
▪ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	12.614.550.686	12.614.550.686	-	-
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	14.634.364.440	14.634.364.440	24.815.856.847	24.815.856.847
▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư	-	-	919.618.500	919.618.500
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	951.447.728	951.447.728	215.549.419	215.549.419

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
▪ Phải trả về mua các khoản đầu tư	116.975.200	116.975.200	-	-
▪ Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	13.967.787	13.967.787	506.019	506.019
▪ Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	126.378	126.378	-	-
▪ Chi phí phải trả	81.200.000	81.200.000	81.200.000	81.200.000
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	67.153.715	67.153.715	116.270.214	116.270.214

## Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### (ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCoM là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết được xác định theo giá mua cộng lãi lũy kế.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

### 23. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 64.558.329.583 VND, giảm 14%, tương đương 10.848.439.719 VND, so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### 24. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 19 tháng 3 năm 2020.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Trần Đỗ Quyên  
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt  
Tổng Giám đốc

